

(Đề kiểm tra có 02 trang)

Họ, tên học sinh:

Số báo danh:

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc bài thơ sau đây :

CHÂN QUÊ

(Nguyễn Bính)

*Hôm qua em đi tỉnh về,
Đợi em ở mãi con đê đầu làng.
Khăn nhung, quần lĩnh rộn ràng.
Áo cài khuy bấm, em làm khổ tôi!
Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

*Nói ra sợ mất lòng em,
Van em! Em hãy giữ nguyên quê mùa.
Như hôm em đi lễ chùa,
Cứ ăn mặc thế cho vừa lòng anh.
Hoa chanh nở giữa vườn chanh,
Thầy u mình với chúng mình chân quê.
Hôm qua em đi tỉnh về,
Hương đồng gió nội bay đi ít nhiều.*

(Nguồn: <https://www.thivien.net>)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1 (1,0 điểm). Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ.

Câu 2 (1,0 điểm). Xác định nhân vật trữ tình của bài thơ.

Câu 3 (1,0 điểm). Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ:

*Nào đâu cái yếm lụa sồi?
Cái dây lưng đũi nhuộm hồi sang xuân?
Nào đâu cái áo tứ thân?
Cái khăn mỏ quạ, cái quần nái đen?*

Câu 4 (1.0 điểm). Từ nội dung của bài thơ, em cần làm gì trong việc giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm).

Anh/chị hãy viết 1 đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) nêu lên cảm nhận của anh/chị về nhân vật cô gái (em) được nói đến trong bài thơ trên.

Câu 2 (4.0 điểm).

Anh/ chị viết một bài văn nghị luận (khoảng 400 chữ) thuyết phục người bạn của mình từ bỏ thói quen **đi học muộn**.

-----Hết-----

1. phần đọc hiểu:

<i>Câu</i>	<i>Đáp án</i>	<i>Hướng dẫn chấm</i>
1	- Thể thơ: lục bát. - phương thức biểu đạt chính: biểu cảm	- Cho 1,0 điểm nếu nêu đúng như đáp án; 0,5 điểm nếu nêu sai 1 đáp án hoặc 0 điểm nếu không làm.
2	- Nhân vật trữ tình: anh (chàng trai)	- Cho 1,0 điểm : nêu đúng; 0,5 điểm nếu nêu thêm một đối tượng khác đi cùng. ; 0,0 làm sai hoặc không làm.
3	- Chỉ ra biện pháp tu từ điệp ngữ: “ nào đâu” - Tác dụng: + Tạo giọng thơ da diết, trầm buồn; tăng sức gợi hình gợi cảm... + Nhấn mạnh làm nổi bật tâm trạng băng khuâng, hoài niệm, tiếc nuối của nhân vật trữ tình trước những giá trị văn hóa, vẻ đẹp truyền thống đang dần thay đổi, mất đi.	- Cho 0,5 điểm : chỉ đúng biện pháp - Cho 0,25 điểm cho mỗi ý trả lời đúng tác dụng (HS có thể diễn đạt theo ý có nội dung tương đương với đáp án, GV linh hoạt chấm điểm). - Cho 0,0 nếu trả lời sai hoặc không làm
4	- Cần làm gì trong việc giữ gìn những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc? + Tìm hiểu lịch sử, phong tục, tập quán, lễ hội, ngôn ngữ, trang phục, nghệ thuật truyền thống. + Bảo vệ di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, làng nghề truyền thống. + Sáng tạo, đổi mới cách thể hiện văn hoá truyền thống phù hợp với đời sống hiện nay, đặc biệt với giới trẻ. + Tiếp thu tinh hoa văn hoá thế giới có chọn lọc, không đánh mất bản sắc dân tộc. + Lên án và ngăn chặn các hành vi làm mai một, thương mại hoá sai lệch giá trị văn hoá.	- nêu được từ 3 ý đúng : 1,0 điểm. - nêu được từ 2 ý đúng: 0,75 điểm. - nêu được từ 1 ý đúng: 0,5 điểm. - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm. (HS có thể trình bày theo ý có nghĩa tương đương, phù hợp, GV linh hoạt cho điểm)

2. Đáp án và hướng dẫn chấm phần viết

II	1.	Từ đoạn trích, anh/chị hãy viết 1 đoạn văn ngắn (khoảng 150 dòng) nêu lên cảm nhận của anh/chị về nhân vật cô gái (em) trong bài thơ.	2.0
	1.1.	<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng đoạn văn</i> - Đảm bảo yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 12 dòng = 150 chữ) của đoạn văn. - Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo lối diễn dịch, quy nạp, tổng	0,25

		phân hợp, song hành, móc xích...	
		b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> : cảm nhận nhân vật cô gái (em).	0,25
		c. <i>Viết đoạn văn đảm bảo yêu cầu</i> : Chỉ ra những đặc điểm của nhân vật. HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau miễn là hợp lí và thuyết phục; cần xem xét trừ điểm các lỗi về hình thức và diễn đạt. Tham khảo cách triển khai và một số nội dung cụ thể sau: c1 - Cô gái xuất hiện trong tình huống: “hôm qua em đi tỉnh về”, gợi sự thay đổi không gian sống, tiếp xúc với nơi phồn hoa, hiện đại. c2 . Cô gái sau khi đi tỉnh về: + “Khăn nhung, quần lĩnh rộn ràng” + “Áo cài khuy bấm” → Trang phục mang phong cách thành thị, hiện đại, mới mẻ. Sự thay đổi ấy: + Khiến cô gái trở nên khác lạ trong mắt người yêu + Tạo cảm giác xa rời nét mộc mạc, giản dị vốn có. c3. Cô gái không chỉ là đối tượng trữ tình; mà còn là biểu tượng cho vẻ đẹp làng quê đang bị phai nhạt. Qua hình ảnh cô gái, tác giả muốn gửi gắm lời nhắc nhở về việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc HƯỚNG DẪN CHẤM: HS có thể trình bày và diễn đạt giống đáp án hoặc tương tự, miễn là thuyết phục. - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm. - Cho 0,25 điểm nếu nêu được ý c1. - Cho 0,75 nếu viết được ý c2 với từ 2 biểu hiện trở lên; cho 0,5 điểm nếu chỉ viết được 1 biểu hiện nêu trên. - Cho 0,25 điểm cho ý c3: chỉ cần nêu được 1 trong 2 ý nghĩa biểu hiện - Cho 0,25 điểm nếu diễn đạt hay và có ý sáng tạo.	1.50
II	2.	Viết một bài văn nghị luận xã hội (khoảng 400 chữ) viết một bài văn nghị luận thuyết phục người bạn của mình từ bỏ thói quen đi học muộn .	4.0
	2.1.	a. <i>Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng bài văn</i> - Đảm bảo yêu cầu về hình thức của kiểu bài nghị luận xã hội và dung lượng bài văn (khoảng 400 chữ, cộng trừ 100 chữ)	0,25 Biết
		b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> : thuyết phục người bạn của mình từ bỏ thói quen đi học muộn	0,25 Hiểu
		c. <i>Viết được bài văn nghị luận đảm bảo các yêu cầu.</i> HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau miễn là hợp lí và thuyết phục; cần xem xét trừ điểm các lỗi về hình thức và diễn đạt. Tham khảo cách triển khai và một số nội dung cụ thể sau: 1. Mở bài. <i>Giới thiệu được vấn đề nghị luận</i>: thực trạng của thói quen đi học muộn trong học đường hiện nay. Khẳng định luận điểm: cần từ bỏ thói quen đi học muộn để rèn luyện ý thức, kỷ luật và xây dựng môi trường học tập nghiêm túc. 2. Thân bài. 2.1. <i>giải thích</i>	3,5 đ Vận dụng 0,25 đ 3.0 đ

- Giải thích ngắn gọn : Đi học muộn là đến lớp sau thời gian quy định, làm gián đoạn tiết học. Thói quen đi học muộn là việc lặp đi lặp lại hành vi này, thể hiện sự thiếu kỷ luật và trách nhiệm.

2.2. Nêu được thực trạng: hiện tượng đi học muộn thường xảy ra ở đầu buổi học, thậm chí vào giữa tiết gia tăng về tần suất.

2.3. Nguyên nhân :

- Ý thức tự giác chưa cao, chủ quan, không coi trọng giờ giấc.
- Chưa nhận thức rõ hậu quả.
- Thói quen sinh hoạt thiếu khoa học.
- Sự nuông chiều hoặc quản lý chưa chặt chẽ từ gia đình.

2.4. Hậu quả

- Đối với bản thân học sinh

- + Bỏ lỡ kiến thức quan trọng ở đầu giờ.
- + Tâm lý vội vàng, căng thẳng, khó tiếp thu bài.
- + Dễ hình thành lối sống thiếu kỷ luật, tùy tiện.

- Đối với thầy cô và lớp học

- + Làm gián đoạn tiết dạy, ảnh hưởng mạch bài giảng.
- + Gây mất trật tự, phân tán sự tập trung của cả lớp.

- Đối với môi trường học đường

- + Tạo thói quen xấu lan truyền trong tập thể.
- + Làm giảm tính nghiêm túc, kỷ cương nhà trường.

2.5. Phản biện và bác bỏ quan điểm sai lầm

- Quan điểm: “Đi muộn vài phút không ảnh hưởng gì.”

- Bác bỏ:

- + Mỗi phút trôi qua đều là thời gian học tập quý giá.
- + Thói quen nhỏ có thể dẫn đến hậu quả lớn lâu dài.
- + Kỷ luật bắt đầu từ những điều nhỏ nhất.

2.6. Giải pháp và thông điệp : Đề xuất giải pháp thiết thực, có tính khả thi:

- Với bản thân học sinh:

- + Ngủ sớm, dậy đúng giờ.
- + Chuẩn bị đồ dùng học tập từ tối hôm trước.
- + Lập thời gian biểu khoa học.

- Với gia đình và nhà trường:

- + Nhắc nhở, động viên kịp thời.
- + Xây dựng nếp sống đúng giờ.

- Lời kêu gọi: Hãy bắt đầu từ việc đến lớp đúng giờ để tôn trọng chính mình và người khác.

3. Kết bài:

Khẳng định lại vấn đề, đưa ra lời kêu gọi hoặc thông điệp hành động về việc chung tay đẩy lùi thói quen xấu tạo môi trường học đường nề nếp, kỷ cương, nghiêm túc.

Hướng dẫn chấm

	HS có thể trình bày và diễn đạt giống đáp án hoặc tương tự, miễn là thuyết phục. - Cho 0 điểm nếu làm sai hoặc không làm. - Cho 0,25 điểm nếu mở bài và kết bài đúng yêu cầu. - Cho 0,25 điểm: nêu và làm rõ được yêu cầu 2.1). - Cho 0,5 điểm: nêu được 2 ý trở lên của yêu cầu 2.2); cho 0,25 điểm: nếu chỉ viết được 1 ý. - Cho 1,0 điểm: nêu được 2 ý trở lên của yêu cầu 2.3); cho 0,5 điểm: nếu nêu được 1 ý. - Cho 0,5 điểm: nêu được 2 ý trở lên của yêu cầu 2.4); cho 0,25 điểm: nếu nêu được 1 ý . - Cho 0,5 điểm: nêu được 2 ý trở lên của yêu cầu 2.5; 2.6); cho 0,25 điểm: nếu nêu được 1 ý . - Cho 0,5 điểm: diễn đạt hay và có ý sáng tạo.	
--	---	--

----- **Hết** -----